

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---***---

Bản án số: 71/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 05/10/2017
Về việc: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH - TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - 1. Bà **Nguyễn Thị Xuân Oanh**
 - 2. Ông **Trần Quốc Đầu**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Quang Bình**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:*
Bà **Hoàng Thị Phương Thảo**; Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2017 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 483/2017/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017, về tranh chấp: Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2017/QĐTST-HNGĐ ngày 12/9/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Chị Trần Thị H**; Sinh ngày: 24/9/1982

Nơi ĐKKHKT: Khối 1, Phường VT, thành phố V, NA.

Nơi tạm trú: Số nhà 16/30, Đường Đ, Xóm NP, xã HL, thành phố V, NA. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Văn L**; Sinh ngày: 01/02/1980

Nơi ĐKKHKT: Khối 1, Phường VT, thành phố V, NA.

Nơi tạm trú: Nhà số 6, ngõ 225, Đường P, Phường VT, thành phố V, NA. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong "Đơn khởi kiện" ngày 14/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 02/01/2008, do hai người tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HT. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại Phường VT, tình cảm vợ chồng hoàn toàn bình thường. Được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và trầm trọng nhất là từ năm 2015 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L chơi cờ bạc dẫn đến vợ chồng phải bán căn nhà đang ở để trả nợ nên tình cảm vợ chồng ngày càng mất mát. Sau khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cũng đã tìm nhiều biện pháp để khắc phục nhưng tình trạng vợ chồng vẫn không khắc phục được mà ngày càng trầm trọng. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hằng Uyên N; Sinh ngày: 29/4/2009 và Nguyễn Tấn S; Sinh ngày: 19/10/2015. Hiện nay hai cháu đang ở với chị H. Nay ly hôn, chị H xin được nuôi cả hai cháu, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

- Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 10/8/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận thời gian, điều kiện kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng bình thường, vợ chồng sinh sống tại Khối 1, Phường VT, thành phố V. Đến đầu năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và trầm trọng nhất là từ đầu năm 2017, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do trước đây anh có tham gia đánh bài bạc dẫn đến vợ chồng bất đồng trong kinh tế gia đình làm mất mát tình cảm. Tuy nhiên, đến nay anh đã có sự thay đổi, tập trung vào công việc, không chơi bài nữa nên chị H xin ly hôn thì anh không đồng ý mà muốn chị H suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ nuôi con. Tuy nhiên phương án để vợ chồng đoàn tụ thì qua thời gian hòa giải anh vẫn chưa đề ra được. Vì vậy, trường hợp qua thời gian suy nghĩ chị H vẫn kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hằng Uyên N; Sinh ngày: 29/4/2009 và Nguyễn Tấn S; Sinh ngày: 19/10/2015. Hiện nay hai cháu đang ở với chị H. Trường hợp ly hôn, anh cũng xin được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Tại Bản tự khai và các phiên hòa giải anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy sau buổi hòa giải ngày 28/8/2017, anh có

trình bày về vấn đề nợ tiền của mẹ đẻ anh và khoản nợ ngân hàng, Tòa án đã giải thích và hướng dẫn để anh làm đơn yêu cầu, cung cấp chứng cứ nhưng anh vẫn không làm nên không có cơ sở để Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc:

- Tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS; việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 28, Điều 35 BLTTDS; xác định đúng tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định... Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt là không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân – gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn L. Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Hằng Uyên N cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Tấn S cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn L là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn L.

[2]. Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn L được xác lập trên cơ sở do hai người tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng đã có với nhau hai người con chung. Tuy nhiên, hạnh phúc gia đình không xây dựng được bền vững do anh L tham gia đánh bạc dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm trong kinh tế gia đình nên cãi vã nhau làm mất mát tình cảm. Mặc dù trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh L có nguyện vọng được đoàn tụ nhưng lại không đề ra được phương án để khắc phục tình trạng vợ chồng và chính anh L cũng thống nhất là trường hợp chị H vẫn kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Trước Tòa hôm nay, chị H vẫn kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị H yêu cầu giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân - gia đình nên chấp nhận.

[2.2]. Về con cái: Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh L đều thống nhất vợ chồng có hai con chung là: Nguyễn Hằng Uyên N; Sinh ngày: 29/4/2009 và Nguyễn Tấn S; Sinh ngày: 19/10/2015. Trường hợp ly hôn, cả chị H và anh L đều yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai cháu. Xét thấy yêu cầu này của hai bên đương sự là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, xét thấy cả chị H và anh L hiện nay đều đang có công ăn việc làm, có thu nhập để nuôi dưỡng các cháu nên cần giao mỗi người nuôi một cháu. Và do cháu Tấn S hiện nay còn dưới 36 tháng tuổi nên cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Uyên N cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu cũng như phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H và anh L mỗi người nuôi một cháu nên không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau và có quyền đi lại thăm nom con chung; không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị H và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản nên miễn xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về quan hệ con cái: - Giao cháu Nguyễn Hằng Uyên N; Sinh ngày: 29/4/2009 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Giao cháu Nguyễn Tấn S; Sinh ngày: 19/10/2015 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Hai anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau và có quyền đi lại thăm nom con chung; không ai được cản trở chị H, anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

*.Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004978 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V.

Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND thành phố Vinh
- Chi cục THADS thành phố Vinh
- UBND xã HT, HN
- Các đương sự
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nga